|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin chi tiết gói kiểm tra sức khỏe hậu Covid-19 chuyên sâu** | | | |
| STT | TÊN DỊCH VỤ | Ý NGHĨA | GIÁ ( VNĐ ) |
| **A.LÂM SÀNG** | | | |
| 1 | Thăm khám với bác sĩ chuyên khoa | Đánh giá tổng quan, tư vấn | 50.000 |
| **B. XÉT NGHIỆM** | | | |
| 2 | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi : | Phát hiện bất thường về các loại tế bào máu, đánh giá tình trạng thiếu máu, nhiễm trùng và rối loạn đông máu liên quan đến tiểu cầu | 60.000 |
| 3 | Tổng phân tích nước tiểu: | Phát hiện tổn thương thận, đường tiết niệu và một số bệnh lý khác như đái tháo đường, bệnh gan mật...; | 40.000 |
| 4 | Xét nghiệm Định lương CRP (C-Reactive Protein): | Phát hiện và theo dõi tình trạng viêm; | 100.000 |
| 5 | Xét nghiệm Prothrombin (PT: Prothrombin Time): | Kiểm tra tình trạng rối loạn đông máu; | 600.000 |
| 6 | Xét nghiệm thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time): |
| 7 | Xét nghiệm định lượng Fibrinogen: |
| 8 | Xét nghiệm Định lượng D-Dimer: |
| 9 | Đo hoạt độ LDH ( Lactat dehydrogenase); | Phát hiện tổn thương mô; | 50.000 |
| 10 | Định lượng Glucose : | Phát hiện đái tháo đường, tiền đái tháo đường và theo dõi hiệu quả điều trị đái tháo đường; | 60.000 |
| 11 | Định lượng HbA1c : | Chẩn đoán đái tháo đường, tiền đái tháo đường và theo dõi hiệu quả điều trị đái tháo đường; | 120.000 |
| 12 | Định lượng Acid Uric : | Đánh giá nguy cơ mắc bệnh gout; | 80.000 |
| 13 | Định lượng Triglycerid : | Phát hiện tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu; | 60.000 |
| 14 | Định lượng Cholesterol toàn phần : | 60.000 |
| 15 | Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol): | 60.000 |
| 16 | Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol): | 60.000 |
| 17 | Đo hoạt độ ALT (GPT): | Kiểm tra men gan, đánh giá tình trạng tổn thương của tế bào gan; | 40.000 |
| 18 | Đo hoạt độ AST (GOT): | 40.000 |
| 19 | Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase): | 80.000 |
| 20 | Định lượng Bilirubin | 180.000 |
| 21 | Định lượng Ure: | Đánh giá chức năng thận, theo dõi điều trị bệnh thận; | 60.000 |
| 22 | Định lượng Creatinine: | 60.000 |
| 23 | Ion đồ (Na, K, Ca, Cl): | Phát hiện rối loạn các chất điện giải; | 80.000 |
| 24 | Định lượng CK-MB | Đánh giá chức năng tim | 200.000 |
| 25 | Định lượng Troponin | 200.000 |
| 26 | Định lượng Protein toàn phần | Phát hiện tình trạng rối loạn chuyển | 60.000 |
| 27 | Định lượng Albumin | 60.000 |
| 28 | Định lượng Calci toàn phần | Đánh giá thiếu hụt canci toàn phần | 60.000 |
| **C.CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH** | | | |
| 29 | Nội soi tai mũi họng | Đánh giá tổn thương hầu họng | 200.000 |
| 30 | Điện tim thường (ECG): | Phát hiện một số bất thường: dày thất, dày nhĩ,  thiếu máu cơ tim, nhồi máu cơ tim, rối loạn nhịp tim…; | 40.000 |
| 31 | Siêu âm bụng tổng quát (màu): | Phát hiện một số hình ảnh bất thường của các tạng trong ổ bụng như gan mật, tụy, lách, thận, tử cung, buồng trứng, tiền liệt tuyến...; | 100.000 |
| 32 | Siêu âm Doppler tim: | Phát hiện bất thường của tim, van tim, đánh giá chức năng vận động của tim; | 350.000 |
| 33 | Siêu âm Doppler màu động mạch cảnh: | Đánh giá tình trạng động mach cảnh, phát hiện xơ vữa động mạch cảnh; | 350.000 |
| 34 | Siêu âm Doppler màu mạch máu chi dưới: | Phát hiện huyết khối, xơ vữa, suy van tĩnh mạch và một số hình ảnh bệnh lý khác tại mạch máu hai chân | 350.000 |
| 35 | Chụp CT (Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang): | Phát hiện tổn thương phổi và bệnh lý trong lồng ngực; | 600.000 |
| 36 | Chụp MRI não mạch não (Chụp cộng hưởng từ não-mạch não không tiêm chất tương phản): | Phát hiện tổn thương não và mạch máu não nội sọ ( huyết khối lòng mạch, hẹp, dị dạng mạch máu não...) | 1.700.000 |
| **TỔNG CỘNG :** | | | **6.210.000** |